TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Minh Lý;

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Viết Xuân Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh T - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1987.

Địa chỉ: tổ H, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; tạm trú: số C, khu B, đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Trần Hữu H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: tổ H, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Bà Nguyễn Thị Y và ông Trần Hữu H tự nguyện tìm hiểu nhau, chung sống và có đăng kí kết hôn tại UNBD phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào năm 2008 (GCNKH số 109, quyển số 01/2008 ngày 08 tháng 12 năm 2008). Quá trình

chung sống, sau khi kết hôn bà Y nhận thấy ông H không chăm lo cho gia đình, thường xuyên đi sớm về trễ, không quan tâm đến vợ con dù bà Y nhiều lần khuyên nhủ, hàn gắn gia đình nhưng không được. Bà Y nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Y yêu cầu ly hôn với ông H. Từ khi bà Y nộp đơn khởi kiện ly hôn đến nay bà Y và ông H đã không còn chung sống với nhau.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Y và ông Trần Hữu H có hai con chung là Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 15/4/2009 và Trần Minh K, sinh ngày 29/6/2015. Sau khi ly hôn, bà Y yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông Trần Hữu H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, không cung cấp thên tài liệu, chứng cứ gì.

Bị đơn ông Trần Hữu H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Y khởi kiện ông Trần Hữu H yêu cầu ly hôn và được nuôi con chung nên quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn ông Trần Hữu H có nơi cư trú tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y, bị đơn ông Trần Hữu H vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên

Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bà Y, ông H theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y và ông Trần Hữu H chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C (GCNKH số 109, quyển số 01/2008 ngày 08 tháng 12 năm 2008) nên hôn nhân của bà Y và ông H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn không thể hòa giải được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà Y và ông H hiện nay đã không còn chung sống với nhau. Ông H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đến ngày 17/5/2024 có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt cũng thể hiện việc ông H không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà Y. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc lẫn nhau, việc bà Y và ông H là vợ chồng nhưng đã ly thân, không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình như vậy đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Y là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Y và ông Trần Hữu H có hai con chung là Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 15/4/2009 và Trần Minh K, sinh ngày 29/6/2015. Bà Y yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Xét thấy, hiện nay hai con chung đang do bà Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình tố tụng, cháu N và cháu K cùng có nguyện vọng được ở với bà Y. Do đó, trên cơ sở tôn trọng ý kiến của con chưa thành niên và căn cứ vào quyền, lợi ích hợp pháp về mọi mặt của con chung nên Hội đồng xét xử giao cháu N, cháu K cho bà Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y đối với ông Trần Hữu H về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y được ly hôn với ông Trần Hữu H.

- Về con chung: Giao hai con chung là Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 15/4/2009 và Trần Minh K, sinh ngày 29/6/2015 cho bà Nguyễn Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi hợp pháp của con. Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Y không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004314 ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Chánh Mỹ;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Ngân